

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày 07 - 5 - 2019.

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lộc Văn Bậu và bà H Thị Hồng Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1999. Địa chỉ: Xóm 5, Khu 1, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị A xin vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Thanh H tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33/2018, ngày 21/6/2018. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Do khi đăng ký kết hôn chị còn nhỏ, ham vui theo bạn bè, suy nghĩ chưa chín chắn, đã vội vàng đăng ký kết hôn

khi không tìm hiểu kỹ và cũng không thông qua ý kiến của gia đình. Nguyên nhân chính là do khi về sống chung thì phát sinh quá nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị và anh H chỉ chung sống với nhau được hơn sáu tháng thì đến tháng 12/2018 đã sống ly thân với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tình cảm của chị dành cho anh H không còn nên chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: không có.

*** Trong quá trình chuẩn bị xét xử anh Nguyễn Thanh H trình bày ý kiến:** Quá trình đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như cô A trình bày đúng.

Đúng là anh và cô A sau khi kết hôn chỉ chung sống với nhau được 06 tháng, nhưng cả hai người đều tự nguyện thương yêu nhau rồi đi đến kết hôn, không ai bị ép buộc. Anh thừa nhận cô A tính tình cũng còn trẻ con, suy nghĩ nhiều khi chưa chín chắn. Hiện tại anh còn tình thương với cô A, chứ tình cảm của anh đối với cô A như ban đầu không còn, nhưng anh vẫn không muốn ly hôn và muốn cho cô A một cơ hội nữa để suy nghĩ về tình cảm của mình.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*** Tại phiên tòa ngày 19 tháng 4 năm 2019 và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Nguyễn Thanh H đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho anh H.**

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung; Về tài sản chung và nợ chung các đương sự đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí buộc chị A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Ngọc A có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn của chị với anh Nguyễn Thanh H vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Phiên tòa xét xử lần đầu và tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Thanh H nhưng anh H vẫn không đến tham gia. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

Chị Nguyễn Thị Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Nguyễn Thanh H là hợp pháp vì lấy nhau tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc A thì thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần mục đích để chị A và anh H trở về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng chị A vẫn kiên quyết ly hôn, vì cho rằng khi đi đăng ký kết hôn chị còn trẻ, suy nghĩ chưa chín chắn nên khi về chung sống với nhau chỉ được 06 tháng là đã ly thân. Anh H cũng thừa nhận cô A tính tình cũng còn trẻ con, suy nghĩ nhiều khi chưa chín chắn, và cũng chỉ chung sống với nhau được 06 tháng là đã ly thân. Nhưng anh H không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị A và anh cho rằng chị A ly hôn là do bị gia đình ép buộc. Trong tất cả các buổi làm việc tại Tòa án, Tòa án đã nhiều lần hỏi chị A về việc có tự nguyện kết hôn, hay tự nguyện ly hôn không, thì chị đã nhiều lần đều khẳng định tất cả ý kiến chị trình bày đều là ý chí tự nguyện của chị, không bị ai ép buộc cả, vì nếu chị bị ép buộc thì chị cũng đã không cùng anh H đi đăng ký kết hôn và chung sống với nhau, khi phía gia đình chị A đều không biết và sau này khi đã biết thì họ cũng tôn trọng cuộc sống của chị và không có ý kiến gì. Do vậy việc anh H cho rằng chị A bị gia đình ép buộc phải ly hôn với anh là không có căn cứ. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị A và anh H tại UBND xã Đ thì địa phương không nắm rõ, do chị A và anh H không gửi đơn ra xã đề nghị hòa giải mâu thuẫn. Xét thấy mục đích của hôn nhân và gia đình là sự gắn kết bằng tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và sự tin tưởng nhau, trong khi đó hôn nhân của chị A và anh H không còn hạnh phúc, chị A cương quyết ly hôn vì tình yêu với anh H không còn, hiện vợ

chồng cũng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tại phiên tòa lần đầu và ngày hôm nay anh H vắng mặt không có lý do. Thể hiện bản thân anh H cũng không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình với chị A. Từ những chứng cứ trên chứng tỏ hôn nhân của chị A và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của chị A về việc xin ly hôn với anh H.

2.3. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc A. Cho chị Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 001182 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị A đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Như Quỳnh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

